TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 499/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 28 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào các điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 447/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim P; sinh năm: 1975; địa chỉ: phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Hữu N; sinh năm: 1973; địa chỉ: phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trần Hữu N được xác lập vào năm 2001, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trần Hữu N được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trần Hữu N đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà

Nguyễn Thị Kim P và ông Trần Hữu N là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Cát T, sinh ngày 03/8/2001 (đã thành niên) và trẻ Trần An T, sinh ngày 01/01/2005. Sau khi ly hôn chúng tôi thỏa thuận, giao con chung Trần An Tường cho ông Trần Hữu N trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Kim P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trần Hữu N không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trần Hữu N cam kết không có nợ chung.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trần Hữu N chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị Kim P thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 20/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 02 năm 2001).

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Cát T, sinh ngày 03/8/2001 (đã thành niên) và trẻ Trần An T, sinh ngày 01/01/2005. Sau khi ly hôn chúng tôi thỏa thuận, giao con chung Trần An Tường cho ông Trần Hữu N trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Kim P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hữu N đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Hữu N và bà Nguyễn Thị Kim P cùng liên đới chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số: AA/2018/0032885 ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ TK Trang (10).

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bùi Viết Bình